**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn**

**1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

**Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra tính đầy đủ thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì trả lại tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ cán bộ tiếp nhận và viết Biên nhận và hẹn ngày trả kết quả.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xem xét tính đầy đủ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định Chi cục có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, hồ sơ đầy đủ theo quy định chuyển phòng chuyên môn xử lý.

**Bước 3:**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá và đi đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở chăn nuôi.

∙ Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập biên bản đánh giá, tổ chức, cá nhân khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (nếu cần thiết).

∙ Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi theo Mẫu số 05.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ.

∙ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận, nộp giấy biên nhận tại nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương; qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cồng dịch vụ công của tỉnh Bình Dương hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

- Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và khoản 1, Điều 2 Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết**: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức và cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Dương.

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Không.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** 2.300.000 đồng (01 cơ sở/lần)

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

b) Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và khoản 1, Điều 2 Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định của Luật Chăn nuôi.

+ Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

+ Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.

+ Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

+ Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chỉ tiết Luật Chăn nuôi;

+ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP, ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

+ Thông tư số 24/2021/TT-BTC, ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi;

+ Quyết định số 112/QĐ-SNN, ngày 19/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Dương về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.

**Mẫu số 01.ĐKCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi....................................................................

CMND/Căn cước công dân số/hộ chiếu..........cấp ngày...../..../....Nơi cấp:....

1. Địa điểm cơ sở chăn nuôi:

2. Đối tượng vật nuôi:

Gia súc:…………………………………………………………………..;

Gia cầm:………………………………………………………………….;

Vật nuôi khác:……………………………………………………………;

3. Đăng ký cấp mới: Đăng ký cấp lại:

Lý do đề nghị cấp lại (ghi chi tiết): ………………………………………

Các văn bản kèm theo (nếu có): ……………………………………..…

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm ....... NGƯỜI LÀM ĐƠN (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Mẫu số 02.ĐKCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------------------------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về điều kiện chăn nuôi**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ CHĂN NUÔI

1. Tên cơ sở chăn nuôi:…………………………………………………..

2. Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi: ………………………………………

3. Địa chỉ:….. Số điện thoại:….Email:………………………………….

4. Hình thức xây dựng (mới/cũ/mở rộng):………………..……………...

5. Tổng diện tích cơ sở chăn nuôi: ……..m2, trong đó:

a) Diện tích chuồng nuôi (m2):…………………………………………..

b) Diện tích khu xử lý chất thải (m2):……………………………………..

II. ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

1. Địa điểm xây dựng:

a) Vị trí xây dựng:……………………………………………..………….

b) Nhu cầu nước (m3/năm):………………………………….…………....

c) Trữ lượng cung cấp nước (m3/năm):…………………………………..

2. Chuồng trại chăn nuôi: Mô tả khái quát về thiết kế tổng thể, bố trí mặt bằng trang trại, kiểu chuồng, trang thiết bị.

3. Mô tả thông tin cơ sở đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sổ sách quản lý: Sổ ghi chép phục vụ quá trình chăn nuôi.

|  |  |
| --- | --- |
|  | CHỦ CƠ SỞ CHĂN NUÔI Ký tên, đóng dấu (nếu có) |

**Mẫu số 05.ĐKCN**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

**Số\*: A/B/C/ĐKCN**

Tên cơ sở chăn nuôi…………. …… Địa chỉ trụ sở:…………………….

Số điện thoại: …………………………… Số Fax:………………………

Địa chỉ trang trại:………………………………………………………….

Số điện thoại: …………………………… Số Fax:………………………

Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:............

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.

Gia súc:…………….…… Số lượng: ………………………………….;

Gia cầm:…………………… Số lượng:…………….………………….;

Vật nuôi khác:……………….. Số lượng:………………………………;

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……., ngày …. tháng …. năm.... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

\*Ghi chú:

1. Sau khi cấp, đề nghị gửi 01 bản scan Giấy chứng nhận về Cục Chăn nuôi.

2. Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi như sau:

- A: là mã số đơn vị hành chính của địa phương (nơi cấp Giấy chứng nhận) theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

- B: là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi, bắt đầu từ số 001.

- C: là năm cấp Giấy chứng nhận.

- ĐKCN: viết tắt của “điều kiện chăn nuôi”.

- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thì ghi rõ “Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận Mã số ....., ngày......”; Mã số Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi so với Mã số Giấy chứng nhận đã được cấp lần đầu.